

Chủ đề D - Bài 1:
MẬT TRÁI CỦA INTERNET

Câu 1: Phát biểu nào sau đây KHÔNG ĐÚNG về virus?

- A. Virus máy tính là một loại phần mềm không có khả năng tự nhân bản
- B. Virus lây lan qua các thiết bị lưu trữ trung gian hoặc qua mạng
- C. Virus máy tính làm phá hủy các tệp và phần mềm, đánh cắp dữ liệu và thông tin của máy tính
- D. Phần mềm diệt virus là công cụ hữu hiệu để phát hiện, ngăn chặn và loại bỏ virus máy tính.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Virus máy tính có thể lây nhiễm sang người sử dụng máy tính.
- B. Virus máy tính là một chương trình phần mềm.
- C. Hai máy tính để cạnh nhau sẽ khiến virus lây lan từ máy này sang máy kia.
- D. Internet không phải là nguồn lây nhiễm virus.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là SAI?

- A. Virus máy tính là phần mềm nên không thể lây sang cho con người.
- B. Virus máy tính có thể lây qua nhiều con đường như email, trang web, thiết bị lưu trữ di động như USB.
- C. Virus máy tính là phần mềm, cơ chế lây lan của nó giống như virus sinh học.
- D. Mạng Internet phát triển lan truyền virus.

Câu 4: Chọn phương án SAI. Khi sử dụng internet, có thể...

- A. Tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng.
- B. Bị lôi kéo vào các hoạt động không lành mạnh.
- C. Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc.
- D. Bạn lừa đảo hoặc lợi dụng.

Câu 5: Đâu là tác hại khi tham gia internet?

- A. Giúp tìm kiếm thông tin.
- B. Chia sẻ thông tin.
- C. Bị rủ rê tham gia các hoạt động phi pháp trên mạng xã hội.
- D. Học tập online.

Câu 6: Em sẽ làm gì trong trường hợp sau:” Được một nhóm bạn truyền cho một địa chỉ website nhưng dặn là phải bí mật, không để người lớn biết”.

- A. Bí mật bấm vào xem địa chỉ website để xem.
- B. Không bấm vào và báo cáo với người lớn.
- C. Bấm vào xem và gửi địa chỉ website cho các bạn khác.
- D. Nhờ người lớn hướng dẫn mở website để xem.

Câu 7: Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

- A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì.
- B. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng.
- C. Cho mượn một ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì.
- D. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn.

CHỦ ĐỀ D - BÀI 2:
SỰ AN TOÀN VÀ HỢP PHÁP KHI SỬ DỤNG THÔNG TIN

Câu 8: Điều gì sẽ xảy ra nếu thông tin cá nhân hay tập thể bị tiết lộ ra ngoài?

- A. Kẻ mạo danh có thể đánh cắp thông tin cá nhân hoặc tập thể để lừa đảo và trục lợi.
- B. Không bị mất mát gì vì có pháp luật bảo vệ.
- C. Không sao vì thông tin cá nhân hay tập thể không wuan trong bằng tài khoản ngân hàng.
- D. Chúng ta sẽ trở thành người nổi tiếng, được nhiều người hâm mộ.

Câu 9: Em nên sử dụng webcam khi nào?

- A. Không bao giờ sử dụng webcam.
- B. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng.
- C. Khi nói chuyện với bất kì ai.
- D. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học, người thân,...

Câu 10: Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn.
- B. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ.

C. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết. D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên.

Câu 11: Biện pháp nào dưới đây để bảo vệ thông tin cá nhân?

- A. Cảnh giác khi đột nhiên xuất hiện một cửa sổ từ một trang web lại với yêu cầu điền thông tin cá nhân.
- B. Không nên lưu lại mật khẩu trên trình duyệt web với mục đích lần sau dễ dàng đăng nhập.
- C. Hạn chế đăng nhập ở các máy tính công cộng hay sử dụng Wifi công cộng.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 12: Để bảo vệ thông tin cá nhân, em không nên làm việc nào sau đây:

- A. Cài đặt phần mềm diệt virus.
- B. Từ chối cung cấp thông tin cá nhân chỉ để đọc tin tức, tải tệp, mua hàng qua mạng,...
- C. Hạn chế đăng nhập ở nơi công cộng (quán cà phê, nhà ga, sân bay,...).
- D. Thay đổi mật khẩu hằng ngày.

Câu 13: Hoạt động chia sẻ thông tin nào sau đây an toàn?

- A. Nam và Minh là bạn thân. Vì Minh cần gấp, Nam cho mình mượn dùng tài khoản mạng xã hội của mình bằng cách gửi mật khẩu đăng nhập cho Minh qua email.
- B. Nam và Minh là bạn thân. Nam có em nhỏ bị lạc, với mong muốn giúp tìm được em của Nam, Minh tự ý đăng lên mạng xã hội tin nhắn tìm trẻ lạc, trong đó có ảnh em của Nam, địa chỉ nhà, số điện thoại và địa chỉ email của Nam.
- C. Cả 2 đáp án trên đều đúng.
- D. Cả 2 đáp án trên đều sai.

Câu 14: Việc làm nào không chia sẻ thông tin một cách an toàn và hợp pháp?

- A. Tránh đưa những thông tin chưa được kiểm chứng rõ ràng (tin đồn, tin truyền miệng, tin do một cá nhân đưa lên mạng xã hội,...).
- B. Đưa thông tin thật của bản thân lên các diễn đàn kết bạn qua mạng.
- C. Không đăng những thông tin sai sự thật hoặc những điều làm tổn thương người khác.
- D. Không đăng những thông tin vi phạm pháp luật, trái với chủ trương của Nhà nước.

Câu 15: Đầu là mật khẩu MẠNH theo đúng tiêu chuẩn các chuyên gia khuyến nghị?

- A. ThanhHa#145
- B. hoangThanh12
- C. ngoc#12345
- D. thanh1234567

Câu 16: Mật khẩu nào sau đây của bạn Nguyễn Hoàng Minh là YẾU nhất?

- A. NguyenVanAn2020
- B. Nguyenvanan1234
- C. An\$153624
- D. nguyenvanan

CHỦ ĐỀ E - BÀI 1:

TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ TRONG SOẠN THẢO VĂN BẢN

Câu 17: Điền từ hoặc cụm từ (chính xác; tìm kiếm; thay thế; yêu cầu) vào chỗ chấm thích hợp để hoàn thành đoạn văn bản dưới đây:

“Công cụ *Tìm kiếm* và ...*(1)*... giúp chúng ta*(2)*.... hoặc thay thế các từ hoặc cụm từ theo*(3)*.... một cách nhanh chóng và*(4)*....”

- A. (1) chính xác; (2) tìm kiếm; (3) thay thế; (4) yêu cầu;
- B. (1) thay thế; (2) yêu cầu; (3) chính xác; (4) tìm kiếm;
- C. (1) tìm kiếm; (2) thay thế; (3) chính xác; (4) yêu cầu;
- D. (1) thay thế; (2) tìm kiếm; (3) yêu cầu; (4) chính xác;

Câu 18: Lệnh Find được sử dụng khi nào?

- A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng trong văn bản.
- B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong văn bản.
- C. Khi muốn thay thế một từ hoặc một cụm từ trong văn bản.
- D. Khi cần thay đổi phông chữ trong văn bản.

Câu 19: Lệnh Replace được sử dụng khi nào?

- A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng trong văn bản.
- B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong văn bản.
- C. Khi muốn thay thế một từ hoặc một cụm từ trong văn bản.
- D. Khi cần thay đổi phông chữ trong văn bản.

Câu 20: Nếu không có công cụ Tìm kiếm trong phần mềm Soạn thảo văn bản, em sẽ gặp khó khăn gì?

- A. Vẫn tìm kiếm được và chính xác 100%.
- B. Rất mất thời gian khi muốn biết một từ cần tìm ở những vị trí nào trong một văn bản dài.
- C. Tìm kiếm vẫn nhanh mà không cần công cụ tìm kiếm.

D. Chắc chắn không nhầm lẫn khi đếm số từ cần tìm trong một văn bản dài.

Câu 21: Phát biểu nào dưới đây là SAI:

A. Công cụ tìm kiếm giúp ta nhanh chóng định vị được một cụm từ cho trước ở những vị trí nào trong văn bản.

B. Công cụ Thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản không thể giúp ta thay cả một câu văn dài bằng một câu văn khác.

C. Công cụ Tìm kiếm sẽ không cho kết quả gì khi nó không tìm thấy từ hay cụm từ cần tìm. Do đó ta kết luận là nó không có trong văn bản.

D. Công cụ thay thế giúp nhanh chóng tìm và chỉnh sửa một cụm từ bất kì trong văn bản.

Câu 22: Công cụ Tìm kiếm và thay thế nằm trong dải lệnh nào sau đây?

A. Home B. Insert C. Page Layout D. Mailings

Câu 23: Để chọn lệnh Find em vào dải lệnh nào?

A. Home B. Insert C. Page Layout D. Mailings

Câu 24: Tìm kiếm gồm có 3 bước, sắp xếp lại các bước theo đúng trật tự:

1. Nháy chuột vào lệnh Find trên dải lệnh Home.

2. Tại hộp thoại Navigation, Gõ từ hoặc cụm từ cần tìm vào ô Search Document.

3. Xem số lượng và danh sách kết quả tìm được.

4. Nháy nút X bên phải để kết thúc quá trình tìm kiếm.

Trật tự sắp xếp là

A. 1 - 2 - 3 - 4

B. 4 - 1 - 3 - 2

C. 3 - 4 - 1 - 2

D. 2 - 1 - 4 - 3

CHỦ ĐỀ E - BÀI 2:

TRÌNH BÀY TRANG, ĐỊNH DẠNG VÀ IN VĂN BẢN

Câu 25: Để in văn bản ra giấy, em thực hiện?

A. File → Print

B. Ctrl → Save

C. Ctrl → Home

D. Ctrl → Edit

Câu 26. Mục đích của định dạng văn bản là:

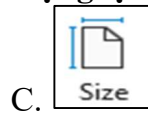
A. Văn bản dễ đọc hơn.

C. Người đọc dễ ghi nhớ các nội dung cần thiết.

B. Trang văn bản có bố cục đẹp.

D. Tất cả ý trên.

Câu 27: Để chọn hướng giấy cho trang văn bản, em sử dụng lệnh gì?



Câu 28: Lệnh  này dùng để làm gì?

A. Căn lề

B. Chọn kích cỡ

C. Chọn hướng giấy

D. Chèn bảng

CHỦ ĐỀ E - BÀI 4:

TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG

Câu 29: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là SAI?

A. Bảng có thể được dùng để ghi lại dữ liệu của công việc thống kê, điều tra, khảo sát,...

B. Bảng giúp tìm kiếm, so sánh và tổng hợp thông tin một cách dễ dàng hơn.

C. Bảng chỉ có thể biểu diễn dữ liệu là những con số.

D. Bảng giúp trình bày thông tin một cách cô đọng.

Câu 30: Nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng là gì?

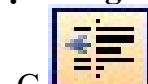
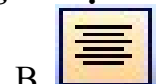
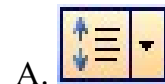
A. Dễ so sánh

B. Dễ in ra giấy

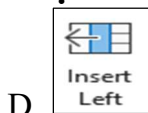
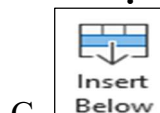
C. Dễ học hỏi

D. Dễ di chuyển

Câu 31: Em có thể sử dụng nút lệnh nào dưới đây để tạo bảng trong văn bản?



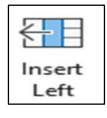
Câu 32: Trong một bảng, để chèn thêm một cột mới bên trái cột đang chọn thì em chọn nút lệnh nào?



Câu 33: Trong một bảng, để chèn thêm một cột mới bên phải cột đang chọn thì em chọn nút lệnh nào?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 34: Trong một bảng, để chèn thêm một hàng mới bên trên hàng đang chọn thì em chọn nút lệnh nào?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 35: Trong bảng dữ liệu dưới đây có mấy cột?

STT	Họ đệm	Tên
1	Nguyễn Hải	Bình
2	Hoàng Thuý	Dương
3	Đào Mộng	Diệp

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 36: Trong bảng dữ liệu dưới đây có mấy hàng?

STT	Họ đệm	Tên
1	Nguyễn Hải	Bình
2	Hoàng Thuý	Dương
3	Đào Mộng	Diệp

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 37: Sau khi đưa con trỏ soạn thảo đến vị trí muốn chèn bảng, m có thể sử dụng lệnh nào sau đây để tạo bảng?

- A. Insert/Table B. View/Table C. File/Table D. Review/Table

Câu 38: Em hãy sắp xếp lại các bước tạo bảng sau lại cho đúng?

- 1-Trong dải lệnh **Insert**, nháy chuột vào lệnh **Table**. Khi đó vùng tạo bảng xuất hiện.
 2-Trong vùng tạo bảng, sử dụng thao tác kéo thả chuột để xác định số hàng và số cột của hàng.
 3-Đặt con trỏ soạn thảo vào vị trí cần chèn bảng mới.

- A. 1-2-3 B. 2-3-1 C. 3-1-2 D. 3-2-1

CHỦ ĐỀ E - BÀI 6: **SƠ ĐỒ TƯ DUY**

Câu 39: Cấu trúc một sơ đồ tư duy gồm?

- A. Tên của chủ đề hoặc hình ảnh biểu thị một ý tưởng hay thông tin, Các nhánh (đường nối).
 B. Các nhánh (đường nối) được thể hiện thông qua ý tưởng của bản thân.
 C. Đề bài và xác định chủ đề trung tâm.
 D. Xác định chi tiết cho chủ đề chính và chủ đề con.

Câu 40: Sơ đồ tư duy được tạo nên bởi:

- A. Âm thanh, hình ảnh, màu sắc. C. Các kiến thức em được học.
 B. Các chủ đề và các đường nối. D. Các ý nghĩ trong đầu em.

Câu 41: Sơ đồ tư duy là gì?

- A. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.
 B. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.
 C. Sơ đồ giúp triển khai ý tưởng một cách ngắn gọn, trực quan..
 D. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng.

Câu 42: Chọn đáp án đúng nhất khi nói về sơ đồ tư duy?

- A. Sơ đồ tư duy giúp một ngôi nhà xây nhanh hơn, chắc chắn hơn.
 B. Sơ đồ tư duy giúp hướng dẫn đường đi nhanh hơn.
 C. Sơ đồ tư duy giúp triển khai ý tưởng một cách ngắn gọn, trực quan..
 D. Sơ đồ tư duy giúp một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình được phát sóng.